TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1137/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân.

2. Bà Nguyễn Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Phan Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 875/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2019/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị S, sinh năm 1971; địa chỉ: 154/136/18/6 Đường L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1968; địa chỉ: 154/136/18/6 Đường L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13 tháng 8 năm 2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phan Thị S trình bày:

Bà và ông Nguyễn N sống chung vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh N. Mâu thuẫn gia đình xảy ra là do ông N cờ bạc gây ra nhiều nợ nần. Bà đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng ông N vẫn không từ bỏ việc cờ bạc dẫn đến gây gỗ cãi vả nhau rất nhiều lần. Nay bà đã không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 3 con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22/11/1995; Nguyễn Quốc C, sinh ngày 05/8/2002; Nguyễn Quốc Mộc N, sinh ngày 10/4/2006. Cháu V đã trưởng thành, bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu N, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà và ông N sẽ tự thỏa thuận

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

Đối với bị đơn ông Nguyễn N: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông N đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông N không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Phan Thị S thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét nguyên đơn bà Phan Thị S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét việc bà Phan Thị S và ông Nguyễn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H huyện N tỉnh N, theo giấy chứng nhận kết hôn số 18/94 đăng ký ngày 29/3/1994 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà S xin được ly hôn với ông N do bà S không còn tình cảm với ông N, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N nhiều lần đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông N với bà S nhưng ông N không đến. Chứng tỏ ông N thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Quá trình chung sống bà S và ông N có ba con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22/11/1995; Nguyễn Quốc C, sinh ngày 05/8/2002; Nguyễn Quốc Mộc N, sinh ngày 10/4/2006. Cháu V đã trưởng thành, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu N, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu này phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C và cháu N cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông N được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi bà S có yêu cầu.

[6] Xét về tài sản chung đương sự xác định sẽ tự thỏa thuận và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị S được ly hôn với ông Nguyễn N.

2. Về con chung: Bà S xác định vợ chồng có 3 con chung tên Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22/11/1995, Nguyễn Quốc C, sinh ngày 05/8/2002 và Nguyễn Quốc Mộc N, sinh ngày 10/4/2006. Cháu Nguyễn Quốc V đã trưởng thành. Bà Phan Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc C và Nguyễn Quốc Mộc N. Ông N được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi bà S có yêu cầu.

Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung đương sự xác định sẽ tự thỏa thuận và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà S phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018258 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà S đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nhã